

Số: 4058/BTP-QLXLVPHC&TDTHPL

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2022

V/v vướng mắc khi thực hiện thanh toán
chi phí liên quan trong quá trình xử lý tài sản
bị tịch thu sung công quỹ Nhà nước

VĂN PHÒNG UBND TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

ĐẾN

Số: 65609

Ngày: 26/10/22

Chuyển:

Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Trả lời Công văn số 969/UBND-NC ngày 11/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc đề nghị hướng dẫn một số khó khăn, vướng mắc khi thực hiện thanh toán chi phí liên quan trong quá trình xử lý tài sản bị tịch thu sung công quỹ Nhà nước, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

1. Về thời hạn xử lý tang vật vi phạm hành chính bị tạm giữ là hàng hoá, vật phẩm dễ bị hư hỏng và chi phí bảo quản tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu

1.1. Theo quy định tại khoản 3 Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính, “đối với tang vật vi phạm hành chính là hàng hoá, vật phẩm dễ bị hư hỏng thì người ra quyết định tạm giữ phải tổ chức bán ngay theo giá thị trường và việc bán phải được lập thành biên bản. Tiền thu được phải gửi vào tài khoản tạm gửi mở tại Kho bạc Nhà nước. Nếu sau đó theo quyết định của người có thẩm quyền, tang vật đó bị tịch thu thì tiền thu được phải nộp vào ngân sách nhà nước; trường hợp tang vật đó không bị tịch thu thì tiền thu được phải trả cho chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp”.

Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 173/2013/TT-BTC ngày 20/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số nội dung về quản lý, xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu theo thủ tục hành chính (Thông tư số 173/2013/TT-BTC) quy định như sau:

“1. Đối với hàng hoá, vật phẩm dễ bị hư hỏng xử lý theo hình thức bán trực tiếp:

a) Người ra quyết định tạm giữ tang vật theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính (sau đây gọi chung là người ra quyết định tạm giữ) **quyết định và tổ chức bán ngay** hàng hoá, vật phẩm dễ bị hư hỏng cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu mua và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

b) Người ra quyết định tạm giữ có trách nhiệm tổ chức đánh giá chất lượng hàng hoá, vật phẩm bán ra; trường hợp cần thiết, người ra quyết định tạm giữ mời cơ quan chuyên môn để phối hợp đánh giá chất lượng hàng hoá, vật phẩm;

c) Giá bán hàng hoá, vật phẩm dễ bị hư hỏng do người ra quyết định tạm giữ tang vật xác định căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 60 Luật Xử lý vi phạm hành chính và chất lượng của hàng hoá, vật phẩm dễ bị hư hỏng; trường hợp không thể áp dụng được căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 60 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì người ra quyết định tạm giữ phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp hoặc cơ quan tài chính tại địa bàn xảy ra hành vi vi phạm (trong trường hợp được cơ quan tài chính cấp trên uỷ quyền hoặc trường hợp người ra quyết định tạm giữ thuộc cơ quan không tổ chức theo cấp hành chính) để xác định giá bán của hàng hoá, vật phẩm dễ bị hư hỏng;

d) Việc bán hàng hoá, vật phẩm dễ bị hư hỏng phải được lập thành biên bản. Nội dung chủ yếu của biên bản gồm: căn cứ thực hiện bán; thời gian, địa điểm bán; người bán; tên, chủng loại, nguồn gốc xuất xứ, số lượng, hiện trạng của hàng hoá, vật phẩm tại thời điểm bán; đơn giá bán, giá trị thanh toán; người mua và các nội dung khác có liên quan;

đ) Đối với hàng hóa thuộc lĩnh vực kinh doanh có điều kiện như hàng hóa dễ cháy, nổ, các loại thuốc chữa bệnh, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật chỉ được bán cho các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Như vậy, pháp luật hiện hành không có quy định cụ thể về việc “bán ngay” tang vật vi phạm hành chính là hàng hoá, vật phẩm dễ bị hư hỏng được thực hiện trong thời hạn bao lâu. Do vậy, người ra quyết định tạm giữ phải căn cứ vào tình hình thực tế, tính chất, đặc thù của từng loại hàng hoá, vật phẩm (dễ bị hư hỏng) cụ thể để có tổ chức đánh giá chất lượng hàng hoá, vật phẩm, xác định giá bán ra, để bán cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu mua (có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật trong trường hợp hàng hoá thuộc lĩnh vực kinh doanh có điều kiện) và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

1.2. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020), “tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã có quyết định tịch thu được xử lý theo quy định của pháp luật quản lý, sử dụng tài sản công”. Khoản 75 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính số 67/2020/QH14 cũng đã bãi bỏ quy định tại Điều 82 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Khoản 4 Điều 5 Nghị định số 138/2021/NĐ-CP ngày /12/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu và giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ theo thủ tục hành chính giao: “Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể về kinh phí bảo đảm cho

công tác quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ, tịch thu, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ”.

Căn cứ quy định pháp luật nêu trên, Bộ Tư pháp thấy rằng, vấn đề Quý Ủy ban nêu tại Mục 2 Công văn số 8416/UBND-VP ngày 18/7/2022 không thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ. Do vậy, đề nghị Quý Ủy ban nghiên cứu quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017, Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân và Thông tư số 173/2013/TT-BTC hoặc kiến nghị Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý.

1.3. Hiện nay, Bộ Tài chính đang chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Thông tư số 173/2013/TT-BTC. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, Bộ Tư pháp sẽ phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài chính; có ý kiến tham gia, góp ý xây dựng Thông tư nói trên bảo đảm tính hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ, đồng thời, bảo đảm tính khả thi, phù hợp với thực tế, giải quyết vướng mắc Quý Ủy ban nêu tại Công văn số 8416/UBND-VP.

2. Về thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính

Theo quy định tại khoản 1 Điều 62 Luật Xử lý vi phạm hành chính, *“khi xem xét vụ vi phạm để quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nếu xét thấy hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm, thì người có thẩm quyền xử phạt phải chuyển ngay hồ sơ vụ vi phạm cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự”*. Khoản 3 Điều 62 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định: *“trường hợp không khởi tố vụ án hình sự thì trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, cơ quan tiến hành tố tụng phải trả hồ sơ vụ việc cho người có thẩm quyền xử phạt đã chuyển hồ sơ đến”*.

Khoản 1 Điều 63 Luật Xử lý vi phạm hành chính cũng quy định: *“Đối với vụ việc do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự thụ lý, giải quyết, nhưng sau đó lại có một trong các quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án, quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm hình sự theo bản án nếu hành vi có dấu hiệu vi phạm hành chính thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự phải chuyển quyết định nêu trên kèm theo hồ sơ, tang vật, phương tiện của vụ vi phạm (nếu có) và văn bản đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định có hiệu lực”*.

Khoản 3 Điều 63 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định: “Thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là 30 ngày, kể từ ngày nhận được các quyết định quy định tại khoản 1 Điều này kèm theo hồ sơ vụ vi phạm. Trong trường hợp cần xác minh thêm quy định tại khoản 2 Điều này thì thời hạn tối đa không quá 45 ngày”.

Điểm a khoản 1 Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định: “vụ việc thuộc trường hợp phải chuyển hồ sơ đến người có thẩm quyền xử phạt thì thời hạn ra quyết định xử phạt là 10 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 63 của Luật này”.

Căn cứ các quy định pháp luật nêu trên, Bộ Tư pháp cho rằng, vụ việc Quý Ủy ban nêu tại Mục 3 Công văn số 8416/UBND-VP thuộc trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng hình sự nhận được hồ sơ vụ việc từ người có thẩm quyền xử phạt chuyển đến. Sau khi xem xét, ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự, cơ quan tiến hành tố tụng trả hồ sơ vụ việc cho người có thẩm quyền xử phạt đã chuyển hồ sơ đến. Trong trường hợp này, thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 63 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Trên đây là ý kiến về một số khó khăn, vướng mắc khi thực hiện thanh toán chi phí liên quan trong quá trình xử lý tài sản bị tịch thu sung công quỹ Nhà nước, Bộ Tư pháp gửi tới Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để nghiên cứu, tham khảo, thực thi pháp luật theo thẩm quyền.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Đặng Hoàng Oanh (để b/c);
- Lưu: VT; Cục QLXLVPHC&TDTHPL (2b).

TL. BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH
VÀ THEO DÕI THI HÀNH PHÁP LUẬT



Đặng Thanh Sơn